

Số: /BC-SKHCN

Ninh Bình, ngày tháng 12 năm 2023

## BÁO CÁO

### Kết quả công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2023

Thực hiện Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 07/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định phân công trách nhiệm trong hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và Quyết định số 57/2022/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 07/7/2014; ngày 14/11/2023, Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành Văn bản số 1336/SKHCN-TĐC đề nghị các sở, ngành báo cáo kết quả công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành năm 2023.

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các cơ quan, đơn vị, Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo kết quả công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh năm 2023, cụ thể như sau:

#### **I. KẾT QUẢ THAM MƯU XÂY DỰNG, BAN HÀNH, PHỔ BIẾN, HƯỚNG DẪN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC VĂN BẢN VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

##### **1. Công tác xây dựng, ban hành văn bản pháp luật và các chương trình, kế hoạch nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các ngành, lĩnh vực**

Năm 2023, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành: Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 01/03/2023 về đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 22/02/2023 về thực hiện Chương trình quốc gia phát triển nuôi trồng thủy sản tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2022 - 2030.

##### **2. Kết quả tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa**

Các cơ quan chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ được giao đã chủ động triển khai thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, kết quả cụ thể như sau:

###### **2.1. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật**

Năm 2023, các cơ quan, đơn vị của tỉnh đã tổ chức 100 lớp tập huấn, hội nghị, hội thảo tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa gồm: Các quy định về sử dụng mã số mã vạch, thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; Về tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường tại doanh nghiệp; Về an toàn thực phẩm; Về nhãn thực phẩm và phụ gia thực phẩm; Về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Về sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản và

vật tư nông nghiệp; Về bảo vệ môi trường; Về an toàn thực phẩm,... Ngoài ra, các cơ quan, đơn vị còn lồng ghép giới thiệu, tuyên truyền các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; các bản tin, phóng sự, các bài viết đăng trên Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị; hỗ trợ xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc và tem truy xuất sản phẩm, hàng hóa; in ấn cấp phát tờ rơi, sách; treo poster, băng zôn ... nổi bật là:

- Sở Khoa học và Công nghệ: Đã hỗ trợ thông qua 02 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh cho 06 doanh nghiệp, HTX trên địa bàn tỉnh: Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc, đào tạo, hướng dẫn việc sử dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm cơm cháy và thảo dược theo đúng Tiêu chuẩn Việt Nam; Hỗ trợ 60.000 tem truy xuất nguồn gốc; Tuyên truyền 4 bài báo, đăng trên báo Trung ương và 02 chuyên mục phát trên VTV và Đài PTTH Ninh Bình về hiệu quả, tầm quan trọng của Hệ thống truy xuất nguồn gốc cho 02 nhóm sản phẩm nêu trên.

- Sở Nông nghiệp và PTNT: Thực hiện cấp phát 34.000 tờ rơi với nội dung tuyên truyền trong lĩnh vực quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm; Phối hợp với Đài PT-TH Ninh Bình, Báo Ninh Bình đưa nhiều tin, bài trong công tác quản lý chất lượng nông lâm thủy sản, vật tư nông nghiệp và thủy lợi.

- Sở Y tế: In ấn 500 cuốn sách, cấp phát cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng thực phẩm; Lắp mới 07 cụm pano tuyên truyền về ATTP; Treo 700 poster, 120 băng zôn tuyên truyền tại các trục đường chính. Đồng thời, phối hợp với Đài PT-TH Ninh Bình phổ biến các kiến thức, pháp luật về ATTP trên sóng truyền hình.

## **2.2. Tổ chức thực hiện các văn bản quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa**

*- Phổ biến, hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật*

Trong năm, các cơ quan, đơn vị đã hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo đúng quy định. Trong đó:

Sở Khoa học và Công nghệ đã thường xuyên hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng trong lĩnh vực được phân công quản lý; ban hành văn bản phổ biến QCVN 01:2022/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học đến các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh.

Sở Y tế đã hướng dẫn các tổ chức, cá nhân áp dụng các Tiêu chuẩn quốc gia và Quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm trong việc tự công bố và công bố chất lượng sản phẩm theo lĩnh vực được phân công, phụ trách; Số lượng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được phổ biến áp dụng liên quan đến lĩnh vực ATTP là 17 Tiêu chuẩn quốc gia, 08 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và 01 Quy chuẩn địa phương; tiếp nhận hồ sơ tự công bố chất lượng 165 sản phẩm của 99 cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh.

Sở Nông nghiệp và PTNT đã hướng dẫn các tổ chức/cá nhân thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về giống thủy sản, thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, cụ thể: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giống thủy sản (QCVN 02-33-2:2021/BNNPTNT; QCVN 02-33-3:2021/BNNPTNT; QCVN 02-34-

1:2021/BNNPTNT; QCVN 02-34-2:2021/BNNPTNT; QCVN 02-37:2021/BNNPTNT); QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT về sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản - Phần 1: Hóa chất chế phẩm sinh học; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-32-2:2020/BNNPTNT về sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản - Phần 2: Hỗn hợp khoáng (premix khoáng), hỗn hợp vitamin (premix vitamin); Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-311:2019/BNNPTNT về thức ăn thủy sản - Phần 1: Thức ăn hỗn hợp; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01 - 190:2020/BNNPTNT về thức ăn chăn nuôi - hàm lượng tối đa cho phép các chỉ tiêu an toàn trong thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản; hướng dẫn cho 01 cơ sở xây dựng tiêu chuẩn về bò Zebu sinh sản, 01 cơ sở xây dựng tiêu chuẩn cơ sở giống hươu sao và 10 cơ sở xây dựng quy trình công bố tiêu chuẩn cơ sở về giống ngao, hào, giống tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cua biển,...

*- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến năng suất chất lượng tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thuộc lĩnh vực ngành quản lý*

Các cơ quan, đơn vị đã thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhằm nâng cao năng suất chất lượng. Đặc biệt, Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Công ty TNHH dịch vụ công nghệ (TSO) thực hiện khảo sát tại 07 tổ chức, doanh nghiệp để đề xuất hỗ trợ nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Căn cứ kết quả khảo sát và đề xuất của các tổ chức, doanh nghiệp. Năm 2024, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ tham mưu nhiệm vụ hỗ trợ cho các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh xây dựng hệ thống quản lý và áp dụng công cụ cải tiến năng suất, chất lượng để nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa cho các tổ chức, doanh nghiệp.

*- Số cơ sở, doanh nghiệp trên địa bàn tham gia Giải thưởng chất lượng, Giải thưởng Chất lượng quốc gia*

Sở Khoa học và Công nghệ đã thực hiện tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đến các tổ chức, doanh nghiệp về Giải thưởng Chất lượng quốc gia và Kế hoạch hoạt động Giải thưởng Chất lượng quốc gia năm 2023. Tuy nhiên năm 2023 không có tổ chức, doanh nghiệp đăng ký tham dự.

*- Số cơ sở, doanh nghiệp áp dụng các mô hình đảm bảo hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000, ISO 14000, Q-Base, HACCP, GMP, GHP, GlobalGAP, VietGAP, SQF, ...*

Trong năm, có 20 tổ chức, doanh nghiệp của tỉnh hoạt động trong lĩnh vực nông lâm sản và thủy sản đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng HACCP, FSSC 22000, tiêu biểu là: Công ty TNHH Thanh An, Công ty Cổ phần thực phẩm Á Châu, Công ty TNHH chế biến nông sản xuất khẩu Vinasam, Công ty TNHH thực phẩm Thiên Nhiên Xanh, Công ty Cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao,....

Năm 2023, nhãn hiệu chứng nhận “Hàu giống Kim Sơn” và “Sen Hoa Lư” đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận bảo hộ giúp thương hiệu Hàu giống và Sen được quảng bá rộng rãi trong và ngoài tỉnh, là bước đệm quan trọng cho việc nâng tầm giá trị đối tượng tiềm năng chủ lực của vùng, tạo sức cạnh tranh và thúc

đẩy sản xuất địa phương phát triển. Đặc biệt, đến nay tỉnh đã có 05 cơ sở được cấp giấy chứng nhận là sản phẩm hữu cơ phù hợp với các yêu cầu của Tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ Việt Nam góp phần tạo ra những sản phẩm nông sản chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh.

*- Hoạt động của các sở, ngành trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp*

Các sở, ngành đã tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp về các nội dung liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hóa thông qua việc trao đổi trực tiếp tại trụ sở hoặc qua điện thoại khi các tổ chức, cá nhân có nhu cầu. Ngoài ra, các nội dung hướng dẫn khác cũng được thường xuyên cập nhật, đăng tải trên website của các sở, ngành.

Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện 02 đề tài hỗ trợ xây dựng hệ thống TXNG theo Nghị quyết số 123-NQ/HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh: “*Xây dựng mô hình áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho một số sản phẩm thảo dược của tỉnh Ninh Bình*” với kinh phí là 590 triệu đồng và “*Xây dựng mô hình áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm cơm cháy của tỉnh Ninh Bình*” với kinh phí là 595 triệu đồng, các đề tài trên do Trung tâm Mã số mã vạch - Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chủ trì thực hiện, thời gian thực hiện từ tháng 9/2022 đến tháng 12/2023. Mục tiêu là hỗ trợ cho doanh nghiệp xây dựng mô hình áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm cơm cháy và sản phẩm thảo dược của tỉnh Ninh Bình, góp phần nâng cao thương hiệu, năng suất và chất lượng của sản phẩm. Đến thời điểm hiện tại, 02 đề tài nêu trên đã thực hiện nghiệm thu cấp cơ sở và đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị nghiệm thu cấp tỉnh theo quy định.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hỗ trợ các cơ sở nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa thông qua thực hiện các chương trình, dự án theo Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Ninh Bình, nhiệm vụ thuộc chương trình Khuyến nông năm 2023 như: “*Mô hình nuôi tôm càng xanh luân canh lúa đảm bảo an toàn thực phẩm*” tại xã Văn Phú huyện Nho Quan; “*Hỗ trợ vùng trồng ngô ngọt đảm bảo an toàn thực phẩm phục vụ chế biến công nghiệp*” tại xã Khánh Nhạc, huyện Yên Khánh; “*Hỗ trợ trồng cây ăn quả ứng dụng công nghệ cao đảm bảo an toàn thực phẩm*” tại xã Gia Hòa, huyện Gia Viễn; “*Phát triển sản phẩm đặc sản (cá trắm đen) theo hướng sản xuất hàng hóa đảm bảo an toàn thực phẩm*” tại xã Gia Phú, huyện Gia Viễn ... Kết quả nghiệm thu các mô hình/dự án đều đạt mục tiêu về năng suất, sản lượng đề ra. Các mô hình/dự án thành công khẳng định hiệu quả ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất giúp nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế, thay đổi phương thức sản xuất từ quy mô nhỏ sang sản xuất hàng hóa tập trung với gắn với thị trường.

Sở Công Thương đã hướng dẫn cho 06 doanh nghiệp có sản phẩm tiềm năng lập hồ sơ tham gia Cuộc thi sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia năm 2023. Kết quả có 02 sản phẩm của tỉnh được công nhận là Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia; Hỗ trợ 01 doanh nghiệp thực hiện đề án hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm sản phẩm với kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ là 940 triệu

đồng (Hỗ trợ Công ty TNHH CN& DV Bình Minh - Khu Công nghiệp Phúc Sơn mua máy tạo hạt nhựa SHJ 105 để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm); Thực hiện 03 đề án khuyến công từ nguồn kinh phí Khuyến công quốc gia, tổng kinh phí hỗ trợ 3.500 triệu đồng cho doanh nghiệp nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh; Triển khai thực hiện 28 Đề án khuyến công địa phương, tổng kinh phí 3.658 triệu đồng hỗ trợ các doanh nghiệp địa phương, nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả sản xuất kinh doanh; Hỗ trợ các doanh nghiệp, các cơ sở công nghiệp, hỗ trợ tham gia các sự kiện xúc tiến thương mại (hội chợ triển lãm thương mại, kết nối tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, nâng cao năng lực thị trường, vị thế của doanh nghiệp địa phương...); Thông qua các hoạt động nêu trên, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển giao công nghệ, ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong tỉnh, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

## **II. HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VÀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA NHÓM 2**

### **1. Hoạt động chứng nhận và công bố hợp chuẩn, hợp quy**

Các cơ quan chuyên môn của tỉnh đã tiến hành kiểm tra tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, đồng thời tuyên truyền, hướng dẫn các đơn vị thực hiện công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy đối với các sản phẩm hàng hóa nhóm 2 đảm bảo theo đúng quy định.

### **2. Tình hình tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn và hợp quy**

Các cơ quan quản lý chuyên ngành đã tiếp nhận 07 hồ sơ công bố hợp chuẩn và 27 hồ sơ công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2, cụ thể:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thực hiện tiếp nhận 21 hồ sơ công bố hợp quy trong các lĩnh vực bảo vệ thực vật, chăn nuôi thú y.

- Sở Công Thương đã tiếp nhận 06 hồ sơ công bố hợp quy đối với các sản phẩm: vải dệt polyester phủ nhựa etylen vinyl axetat (EVA); vải dệt polyester phủ nhựa PVC; vải dệt thoi có thành phần từ sợi Filament; áo T-Shirt nam; áo Polo nam và áo Polo nữ.

- Sở Khoa học và Công nghệ đã tiếp nhận 07 hồ sơ công bố hợp chuẩn của Công ty TNHH Thiên Trường An đối với sản phẩm bê tông.

*(Chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2)*

**3. Tình hình và kết quả thanh tra, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý theo quy định tại Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 07/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình và Quyết định số 57/2022/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 07/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.**

Năm 2023, các sở quản lý chuyên ngành đã tiến hành các cuộc thanh/kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất và chất lượng hàng hoá trong lưu thông. Qua đó, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm nhằm đảm bảo an toàn, sức khỏe và quyền lợi của người tiêu dùng. Cụ thể:

Thanh tra, kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất: Các cơ quan, đơn vị đã tiến hành thanh/kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất đối với 298 doanh nghiệp/cơ sở thuộc các lĩnh vực: Thủy sản; Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Thủy lợi; Trồng trọt - bảo vệ thực vật; Nước khoáng thiên nhiên, nước đá dùng liền, nước uống đóng chai; Bánh nướng, bánh dẻo.

Thanh tra, kiểm tra chất lượng hàng hoá trong lưu thông: Các cơ quan, đơn vị đã tiến hành thanh/kiểm tra tại 579 cơ sở kinh doanh các mặt hàng: Xăng dầu; Thiết bị điện, điện tử; Thép làm cốt bê tông; Vàng, trang sức mỹ nghệ; Hàng đóng gói sẵn; Vận tải hành khách bằng xe taxi; Mạng lưới công trình, thiết bị, sản phẩm bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, điện tử, phát thanh, truyền hình; An toàn thông tin; Thu đổi ngoại tệ; Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học; thực phẩm bao gói sẵn (gia vị, sữa, bánh kẹo, rượu, nước giải khát...); Thực phẩm tươi sống (rau, củ, quả, thịt lợn sống); Quản lý vắc xin, sinh phẩm; kinh doanh thuốc; Chăn nuôi thú ý; Thủy sản; Trồng trọt - bảo vệ thực vật.

Trong quá trình thanh/kiểm tra đã phát hiện được 64 cơ sở vi phạm, xử phạt hành chính với tổng số tiền hơn 500 triệu đồng. Đồng thời, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả như: Buộc thu hồi hàng hoá vi phạm; Trả lại nhà sản xuất để tái chế, chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi có phản ánh, đề nghị của người sử dụng.

*(Chi tiết theo Phụ lục 3)*

### **III. CÔNG TÁC PHỐI HỢP KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 36/2010/QĐ-TTg NGÀY 15/4/2010 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Quyết định số 36/2010/QĐ-TTg ngày 15/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành “Quy chế phối hợp kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa” là căn cứ quan trọng để các cơ quan chức năng áp dụng trong việc chủ trì hoặc phối hợp xây dựng các chương trình, kế hoạch kiểm tra chuyên ngành, liên ngành về chất lượng sản phẩm hàng hoá.

- Đối với các sở, ngành: Việc tổ chức kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hoá theo Kế hoạch năm sẽ được Thanh tra tỉnh tổng hợp rà soát không trùng lặp về đối tượng thanh tra, kiểm tra giữa các ngành; phối hợp tham gia các đoàn kiểm tra liên ngành như: Đoàn liên ngành 389, Đoàn liên ngành về ATTP, Đoàn liên ngành kiểm tra trong kinh doanh các lĩnh vực xăng dầu, vàng trang sức, mỹ nghệ,... Trong quá trình kiểm tra, các đoàn đã thực hiện test nhanh và lấy một số mẫu sản phẩm, hàng hóa như xăng dầu, rượu, bánh kẹo, mứt, bún, nước đóng chai,... gửi các phòng thử nghiệm được chỉ định/công nhận để thử nghiệm các chỉ tiêu chất lượng, làm cơ sở đánh giá chất lượng sản phẩm hàng hóa.

Ngoài các đợt thanh/kiểm tra liên ngành, các sở, ngành còn thường xuyên tổ chức các cuộc thanh/kiểm tra chuyên ngành tại các cơ sở thuộc lĩnh vực được phân cấp quản lý.

- Đối với UBND cấp huyện: Các phòng, đơn vị chuyên môn đã phối hợp chặt chẽ với nhau và với các sở, ngành, đơn vị có liên quan trong việc thanh/kiểm tra liên

ngành, chuyên môn về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn. Công tác thanh/kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa được triển khai trên diện rộng, các vụ việc vi phạm hành chính được xử lý kịp thời, minh bạch, khách quan hoặc chuyển hồ sơ vi phạm để xử phạt hành chính theo đúng thẩm quyền giữa các cơ quan, đơn vị, đã góp phần đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, ngăn chặn những hành vi gian lận về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Ngoài ra, hàng năm UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch và tiến hành kiểm tra định kỳ, đột xuất theo yêu cầu; tập trung kiểm tra vào các đợt cao điểm tiềm ẩn nhiều nguy cơ vi phạm chất lượng sản phẩm, hàng hóa, như dịp Tết Nguyên đán, Tết Trung thu, mùa lễ hội, giao mùa và đầu vụ sản xuất,...

Qua kiểm tra, đã kịp thời phát hiện các vi phạm và ban hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; công tác kiểm tra chuyên/liên ngành trong thời gian qua đã góp phần tích cực vào hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp.

#### IV. NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN TỒN TẠI VÀ KIẾN NGHỊ

##### 1. Những vấn đề còn tồn tại trong công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa

- Trong quá trình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật còn có một số nội dung chưa thống nhất, gây khó khăn cho công tác xử lý vi phạm hành chính. Cụ thể như sau: Tại khoản 8, điều 2, Nghị định số 84/2019/NĐ-CP, ngày 14/11/2019 quy định “Phân bón giả về chất lượng là phân bón có một hoặc nhiều chỉ tiêu chất lượng chính ***chỉ đạt từ 70% trở xuống so với mức đăng ký trong Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam*** (trừ chỉ tiêu chất lượng chính là vi sinh vật)”, khác với quy định tại điểm b, khoản 7, điều 3, Nghị định 98/2020/NĐ-CP, ngày 26/8/2020 quy định hàng giả gồm: “Hàng hóa có ít nhất một trong các chỉ tiêu chất lượng hoặc đặc tính kỹ thuật cơ bản hoặc định lượng chất chính tạo nên giá trị sử dụng, công dụng của hàng hóa ***chỉ đạt mức từ 70% trở xuống so với mức tối thiểu quy định tại quy chuẩn kỹ thuật*** hoặc tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký, công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn, bao bì hàng hóa”.

- Một số tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với từng loại, nhóm sản phẩm thực phẩm cụ thể chưa được ban hành, gây khó cho cơ quan quản lý cũng như các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trong việc công bố chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đấu tranh, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả... còn hạn chế, do kinh phí tổ chức hạn hẹp, công tác tuyên truyền chủ yếu phải lồng ghép với các hoạt động chuyên môn khác.

- Việc đầu tư các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động thanh/kiểm tra, kinh phí khảo sát, mua và thử nghiệm mẫu còn hạn hẹp cũng ảnh hưởng tới hoạt động

quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

- Các mẫu đưa đi kiểm tra xét nghiệm mất nhiều thời gian, do quá trình bảo quản, vận chuyển, thời gian xét nghiệm kéo dài, khi có kết quả kiểm định một số cơ sở đã bán hết lượng hàng hoá trong lô hàng được lấy mẫu. Đối với các sản phẩm tươi sống từ các hoạt động chăn nuôi cũng hạn chế trong việc kiểm định về chất lượng hàng hoá tại các địa phương (do thời gian bảo quản ngắn, công tác kiểm định, thử nghiệm phức tạp phải qua các hệ thống máy móc phân tích...).

- Việc thay đổi phương thức quản lý ATTP từ tiền kiểm sang hậu kiểm được quy định trong Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ đã mở ra cơ hội cho các doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh, nhưng lại phát sinh những quan ngại về chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường.

- Nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trong tỉnh có quy mô nhỏ lẻ, tự phát và hoạt động thời vụ, nên khó khăn trong việc truy xuất nguồn gốc thực phẩm cũng như thay đổi thói quen của người dân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; một số cơ sở chưa tuân thủ đầy đủ các quy định của nhà nước về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

- Một số sở, ngành chưa có báo cáo hoặc báo cáo chưa đầy đủ kết quả hoạt động quản lý chất lượng các sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành theo sự phân công, phân cấp dẫn đến khó khăn trong tổng hợp, báo cáo (*Chi tiết theo phụ lục 4*).

## **2. Đề xuất, kiến nghị**

- Các bộ, ngành liên quan quan tâm rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa; xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm, nhóm sản phẩm để đáp ứng kịp thời với sự đa dạng của thị trường hiện nay; nâng cao năng lực nghiệp vụ của các phòng kiểm nghiệm, rút ngắn thời gian kiểm nghiệm; kiểm soát tốt hàng nhập khẩu từ cửa khẩu, đặc biệt là hàng nông sản.

- UBND tỉnh quan tâm cấp kinh phí đầu tư thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác kiểm tra, tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật, thử nghiệm chất lượng hàng hóa, nhất là các thiết bị kiểm tra nhanh tại chỗ để phục vụ kịp thời cho công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường sự phối hợp với các sở, ban, ngành để triển khai thực hiện tốt công tác tuyên truyền, thanh/kiểm tra, giám sát các quy định của Nhà nước trong sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

- Các cơ quan quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành cần đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật và công tác thanh/kiểm tra về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực được phân công quản lý và báo cáo đầy đủ kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ hàng năm để tổng hợp; phổ biến cách thức nhận biết và phân biệt hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, hàng không rõ nguồn gốc; tuyên truyền sâu rộng các

hình thức xử lý đối với các sản phẩm, hàng hóa vi phạm về chất lượng,... để nâng cao hơn nữa nhận thức và ý thức chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa của các cơ sở/doanh nghiệp.

Sở Khoa học và Công nghệ trân trọng báo cáo./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Tổng cục TCĐLCL;
- Các sở, ngành của tỉnh;
- GD và các PGĐ Sở;
- Lưu: VP, Chi cục TĐC.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Toàn Thắng**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN HỒ SƠ CÔNG BỐ HỢP CHUẨN**

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 11 năm 2023)

(Kèm theo Báo cáo số /SKHCN-TĐC ngày tháng 12 năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ)

STT	Số tiếp nhận	Ngày tiếp nhận	Tên tổ chức, cá nhân công bố	Tên sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường	Tiêu chuẩn	Loại hình đánh giá		Ghi chú
						Kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân	Kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký	
1	43/TB-TĐC	05/4/2023	Công ty TNHH Thiên Trường An	Bê tông M100 daN/cm <sup>2</sup>	TCVN 6025:1995			
2	44/TB-TĐC	05/4/2023	Công ty TNHH Thiên Trường An	Bê tông M150 daN/cm <sup>2</sup>	TCVN 6025:1995			
3	45/TB-TĐC	05/4/2023	Công ty TNHH Thiên Trường An	Bê tông M200 daN/cm <sup>2</sup>	TCVN 6025:1995			
4	46/TB-TĐC	05/4/2023	Công ty TNHH Thiên Trường An	Bê tông M250 daN/cm <sup>2</sup>	TCVN 6025:1995			
5	47/TB-TĐC	05/4/2023	Công ty TNHH Thiên Trường An	Bê tông M300 daN/cm <sup>2</sup>	TCVN 6025:1995			
6	48/TB-TĐC	05/4/2023	Công ty TNHH Thiên Trường An	Bê tông M350 daN/cm <sup>2</sup>	TCVN 6025:1995			
7	49/TB-TĐC	05/4/2023	Công ty TNHH Thiên Trường An	Bê tông M400 daN/cm <sup>2</sup>	TCVN 6025:1995			

Tổng số hồ sơ công bố hợp chuẩn đã tiếp nhận: 07 hồ sơ

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN HỒ SƠ CÔNG BỐ HỢP QUY**

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 11 năm 2023)

(Kèm theo Báo cáo số /SKHCN-TĐC ngày tháng 12 năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ)

ST T	Số tiếp nhận	Ngày tiếp nhận	Tên tổ chức, cá nhân công bố	Tên sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường	Quy chuẩn	Loại hình đánh giá			Ghi chú
						Kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân	Kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc được thừa nhận	Kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được chỉ định	
<b>Sở Công Thương</b>									
1		03/10/2023	Công ty TNHH may XK Tràng An	Vải dệt polyester phủ nhựa etylen vinyl axetat (EVA)	QCVN 01:2017/BCT			x	
2		03/10/2023	Công ty TNHH may XK Tràng An	Vải dệt polyester phủ nhựa PVC	QCVN 01:2017/BCT			x	
3		03/10/2023	Công ty TNHH may XK Tràng An	Vải dệt thoi có thành phần từ sợi Filament	QCVN 01:2017/BCT			x	
4		24/7/2023	Công ty cổ phần đầu tư Tezo	Áo T-Shirt nam	QCVN 01:2017/BCT			x	

5		24/7/2023	Công ty cổ phần đầu tư Tezo	Áo Polo nam	QCVN 01:2017/BCT			x	
6		24/7/2023	Công ty cổ phần đầu tư Tezo	Áo Polo nữ	QCVN 01:2017/BCT			x	
<b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>									
7	1	12/01/2023	Công ty cổ phần phân lân Ninh Bình	24 sản phẩm	QCVN 01 189:2019/BNN PTNT			x	
8	2	13/01/2023	Công ty TNHH sản xuất vôi lân Thành Lợi	02 sản phẩm	QCVN 01 189:2019/BNN PTNT			x	
9	3	03/3/2023	Công ty TNHH phân bón hữu cơ Tam Điệp	02 sản phẩm	QCVN 01 189:2019/BNN PTNT			x	
10	4	14/3/2023	Công ty cổ phần Phú Nông	Phân bón hỗn hợp NPK (16 sản phẩm)	QCVN 01 189:2019/BNN PTNT			x	
11	5	10/4/2023	Công ty TNHH SX & TM Xuân Hà Ninh Bình	07 sản phẩm	QCVN 01 189:2019/BNN PTNT			x	
12	6	25/5/2023	Công ty cổ phần Tiên Sỹ nông	35 sản phẩm	QCVN 01 189:2019/BNN PTNT			x	
13	7	30/5/2023	Công ty cổ phần Bình Điền Ninh Bình	33 sản phẩm	QCVN 01 189:2019/BNN PTNT			x	

14	8	14/6/2023	Công ty cổ phần phân lân Ninh Bình	01 sản phẩm	QCVN 01 189:2019/BNN PTNT	x			
15	9	23/6/2023	Công ty cổ phần Bình Điền Ninh Bình	18 sản phẩm	QCVN 01 189:2019/BNN PTNT			x	
16	10	06/7/2023	Công ty TNHH Đông Dương	03 sản phẩm	QCVN 01 189:2019/BNN PTNT			x	
17	11	21/7/2023	Công ty cổ phần Bình Điền Ninh Bình	07 sản phẩm	QCVN 01 189:2019/BNN PTNT			x	
18	12	28/8/2023	Công ty Niên Việt Mỹ	08 sản phẩm	QCVN 01 189:2019/BNN PTNT	x			
19	13	22/9/2023	Công ty cổ phần Bình Điền Ninh Bình	50 sản phẩm	QCVN 01 189:2019/BNN PTNT			x	
20	14	23/10/202 3	Công ty TNHH Đông Dương	03 sản phẩm	QCVN 01 189:2019/BNN PTNT			x	
21	15	26/10/202 3	Công ty cổ phần Bình Điền Ninh Bình	12 sản phẩm	QCVN 01 189:2019/BNN PTNT			x	
22	06	08/02/202 3	Công ty TNHH thuốc thứ ý - thủy sản BIOVIET	Tên gọi: Calci plus; Calci-phos, calci D3; siêu khoáng, Alpha-D3 Kiểu loại: Thức ăn	QCVN 01- 190:2020/BN NPTNT và sửa đổi 1:2021			x	
23	31	08/5/2023						x	

24	49	07/7/2023		chăn nuôi bổ sung canxi cho vật nuôi Dạng dung dịch uống Số CBCL: TCCS39- 2023/BIO Mã số HQ: VICB 6529.10-7	QCVN 01- 190:2020/BN N PTNT			x	
25	59	14/8/2023						x	
26	81	16/10/202 3						x	
27	96	16/11/202 3						x	

*Tổng số hồ sơ công bố hợp quy đã tiếp nhận: 27 hồ sơ*

**KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM HÀNG HÓA TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG**

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 11 năm 2023)

(Kèm theo Báo cáo số /SKHCN-TĐC ngày tháng 12 năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ)

TT	Chủng loại sản phẩm được thanh/kiểm tra	Tổng số cơ sở được thanh/kiểm tra	Số lô SPHH được thanh/kiểm tra	Số cơ sở vi phạm	Số cơ sở bị xử lý	Số lô sản phẩm vi phạm	Sản phẩm vi phạm			Hình thức xử lý			Lý do những cơ sở vi phạm không xử lý	
							Số lượng	Đơn vị tính (tấn/lít/hộp/mét...)	Giá trị sản phẩm vi phạm (đơn vị tính: Triệu đồng)	Tạm dừng sản xuất, lưu thông (đơn vị tính: cơ sở)	Xử phạt vi phạm hành chính			Biện pháp khắc phục hậu quả (đơn vị tính: cơ sở)
											Số cơ sở	Số tiền xử phạt (đơn vị tính: Đồng)		
<b>I. Kết quả thanh tra, kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất</b>														
<b>Sở Công Thương</b>														
1	Bánh ngọt: bánh nướng, bánh dẻo	6		5	5						5	20.000.000		
<b>Sở Y tế</b>														
2	Nước khoáng thiên nhiên, nước đá dùng liền, nước uống đóng chai	40												
<b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>														
3	Lĩnh vực thủy sản	54		0										
4	Lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	164		01	01						01	6.000.000		

5	Lĩnh vực thủy lợi	33		10	10						10	9.000.000		
6	Lĩnh vực trồng trọt - bảo vệ thực vật	01												
	<b>Tổng</b>	<b>298</b>		<b>16</b>	<b>16</b>						<b>16</b>	<b>35.000.000</b>		

## II. Kết quả thanh tra, kiểm tra chất lượng hàng hóa trong lưu thông

### Sở Khoa học và Công nghệ

1	Xăng dầu	97		01	01		879	Lít	21,342		01	42.684.240		
2	Thép và thiết bị điện, điện tử	21											Nhắc nhở, yêu cầu chấn chỉnh đối với 05 cơ sở chưa thực hiện lưu hồ sơ chất lượng	
3	Vàng trang sức, mỹ nghệ	48											Nhắc nhở, yêu cầu chấn chỉnh	
4	Hàng đóng gói sẵn	11				01				Thông báo tạm dừng hoạt động đo lường			Nhắc nhở, yêu cầu khắc phục	
5	Vận tải hành khách bằng xe taxi	05											Nhắc nhở, yêu cầu chấn chỉnh	

### Sở Thông tin và Truyền

6	Hoạt động bưu chính, chuyên phát	13		04	04						04	33.500.000		
7	Sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông	52											Nhắc nhở, yêu cầu chấn chỉnh	

<b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>													
8	Lĩnh vực chăn nuôi, thú y	59		07	07		3600	kg	25,058		07	54.000.000	
9	Lĩnh vực thủy sản	05		01	01		200	kg	5,19		01	3.892.000	
10	Lĩnh vực trồng trọt - bảo vệ thực vật	164		14	14		1961 5,6	kg	132,2	09	14	101.925.000	
<b>Chi cục An toàn Vệ sinh Thực phẩm</b>													
11	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học	30											
12	Thực phẩm bao gói sẵn (Gia vị, sữa, bánh kẹo, rượu, nước giải khát....)	47		16	16						16	114.112.500	
13	Thực phẩm tươi sống (rau, củ, quả, thịt lợn sống)	02											
<b>Ngân hàng Nhà nước tỉnh</b>													
14	Các tổ chức tín dụng	24		05	05						05	115.500.000	Còn 21 tổ chức bị xử lý vi phạm về kinh tế
15	Thu đổi ngoại tệ	01											
<b>Tổng</b>		<b>579</b>		<b>48</b>	<b>48</b>						<b>48</b>	<b>465.613.740</b>	

- Tổng số cơ sở thanh/kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa trong sản xuất và lưu thông: 877 cơ sở.
- Tổng số cơ sở vi phạm: 64 cơ sở.
- Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính: 500.613.740 đồng.

**THÔNG KÊ CHI TIẾT KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ  
CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA CỦA CÁC SỞ, NGÀNH NĂM 2023**

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 11 năm 2023)

(Kèm theo Báo cáo số /SKHCN-TĐC ngày tháng 12 năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Quản lý nhà nước đối với các sản phẩm hàng hóa trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường	Kết quả theo Báo cáo của cơ quan, đơn vị	Ghi chú
1	Sở Nông nghiệp và PTNT	<p><b>1. Quản lý nhà nước đối với các sản phẩm hàng hóa trong sản xuất</b></p> <p>a) Giống cây trồng nông nghiệp; giống cây trồng lâm nghiệp; giống vật nuôi; giống thủy sản;</p> <p>b) Phân bón; thuốc bảo vệ thực vật; thuốc thú y; thức ăn chăn nuôi, thủy sản; muối;</p> <p>c) Sản phẩm xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản;</p> <p>d) Các loại vật tư khác dùng trong trồng trọt; chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; lâm nghiệp; diêm nghiệp;</p> <p>đ) Máy thiết bị dùng trong nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; thiết bị, dụng cụ đánh bắt thủy sản; máy móc, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;</p> <p>e) An toàn thực phẩm đối với ngũ cốc; thịt và các sản phẩm từ thịt; thủy sản và sản phẩm thủy sản; rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả; trứng và các sản phẩm từ trứng; sữa tươi nguyên liệu; mật ong và các sản phẩm từ mật ong; thực phẩm biến đổi</p>	Đã thực hiện báo cáo theo mẫu Đề cương.	

		<p>gen; muối; gia vị; đường; chè; cà phê; ca cao; hạt tiêu; điều; các nông sản khác;</p> <p>g) Dịch vụ, quá trình sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, thủy sản; quá trình trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp, diêm nghiệp; quá trình thu hoạch, giết mổ, sơ chế, chế biến sản phẩm có nguồn gốc động vật, thực vật và thủy sản;</p> <p>h) Công trình thủy lợi, đê điều;</p> <p>i) Dịch vụ, quá trình sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.</p> <p><b>2. Quản lý nhà nước đối với các sản phẩm hàng hóa trong xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường</b></p> <p>Cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, chế phẩm sinh học dùng cho nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công trình thủy lợi, đê điều</p>		
2	Sở Xây dựng	<p><b>1. Quản lý nhà nước đối với các sản phẩm hàng hóa trong sản xuất</b></p> <p>a) Công trình xây dựng dân dụng, công trình công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật, phương tiện quảng cáo ngoài trời thuộc phạm vi quản lý nhà nước theo quy định;</p> <p>b) <i>Vật liệu xây dựng</i>;</p> <p>c) Kiến trúc, quy hoạch xây dựng bao gồm: quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng diêm dân cư nông thôn; quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao;</p> <p>d) Hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao thuộc phạm vi quản lý nhà nước theo quy định pháp luật;</p>		Không gửi báo cáo

		<p>đ) Máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Xây dựng theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;</p> <p>e) Dịch vụ trong lĩnh vực xây dựng.</p> <p><b>2. Quản lý nhà nước đối với các sản phẩm hàng hóa trong xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường</b></p> <p>Các hàng hóa là công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật; phương tiện quảng cáo ngoài trời thuộc phạm vi quản lý nhà nước theo quy định</p>		
3	Sở Công thương	<p><b>1. Quản lý nhà nước đối với các sản phẩm hàng hóa trong sản xuất</b></p> <p>a) Hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp;</p> <p>b) Sản phẩm cơ khí, luyện kim, điện, năng lượng; sản phẩm công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp chế biến khác theo quy định của pháp luật; thiết bị điện, điện tử dùng trong công nghiệp;</p> <p>c) Máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;</p> <p>d) An toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh đối với các loại rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo và bao bì chứa đựng các loại thực phẩm này;</p> <p>đ) Thương mại điện tử.</p>	Báo cáo chưa đầy đủ theo các nội dung của mẫu Đề cương	

		<p><b>2. Quản lý nhà nước đối với các sản phẩm hàng hóa trong xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường</b></p> <p>Thiết bị áp lực, thiết bị nâng đặc thù chuyên ngành công nghiệp, hóa chất (trừ hóa chất dùng trong gia dụng và y tế), vật liệu nổ công nghiệp, trang thiết bị khai thác mỏ, dầu khí (trừ các thiết bị, phương tiện thăm dò, khai thác trên biển)</p>		
4	Sở Tài nguyên và Môi trường	<p><b>1. Quản lý nhà nước đối với các sản phẩm hàng hóa trong sản xuất</b></p> <p>a) Tài nguyên, khoáng sản; b) Khí tượng thủy văn; c) Đo đạc bản đồ; d) Môi trường, biến đổi khí hậu và viễn thám; đ) Dịch vụ trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p><b>2. Quản lý nhà nước đối với các sản phẩm hàng hóa trong xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường</b></p> <p>Tài nguyên, khoáng sản; Khí tượng thủy văn; Đo đạc bản đồ; Môi trường, biến đổi khí hậu và viễn thám; Dịch vụ trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường</p>		Không gửi báo cáo
5	Sở Thông tin và Truyền thông	<p><b>1. Quản lý nhà nước đối với các sản phẩm hàng hóa trong sản xuất</b></p> <p>a) Sản phẩm báo chí; xuất bản, in, phát hành; bưu chính và chuyển phát; b) Sản phẩm quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin;</p>		Báo cáo chưa đầy đủ theo các nội dung của mẫu Đề cương

		<p>c) Mạng lưới, công trình, thiết bị, sản phẩm bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, điện tử, phát thanh, truyền hình; an toàn thông tin;</p> <p>d) Tần số vô tuyến điện, đài vô tuyến điện, thiết bị vô tuyến điện, thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện;</p> <p>đ) Dịch vụ trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông.</p> <p><b>2. Quản lý nhà nước đối với các sản phẩm hàng hóa trong xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường</b></p> <p>Sản phẩm báo chí; xuất bản, in, phát hành; bưu chính và chuyển phát; sản phẩm quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin; mạng lưới, công trình, thiết bị, sản phẩm bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, điện tử, phát thanh, truyền hình; an toàn thông tin; tần số vô tuyến điện, đài vô tuyến điện, thiết bị vô tuyến điện, thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện; dịch vụ trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông</p>		
6	Sở Văn hóa và Thể thao	<p><b>1. Quản lý nhà nước đối với các sản phẩm hàng hóa trong sản xuất</b></p> <p>Trang thiết bị luyện tập, thi đấu của các cơ sở thể dục thể thao và của các môn thể thao thuộc thẩm quyền quản lý.</p> <p><b>2. Quản lý nhà nước đối với các sản phẩm hàng hóa trong xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường</b></p> <p>Các hàng hóa là trang thiết bị luyện tập, thi đấu của các cơ sở thể dục thể thao và của các môn thể thao thuộc thẩm quyền quản lý</p>		Không gửi báo cáo

7	Sở Giáo dục và Đào tạo	<p><b>Quản lý nhà nước đối với các sản phẩm hàng hóa trong sản xuất</b></p> <p>a) Thiết bị dạy học, cơ sở vật chất, đồ chơi cho trẻ em trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.</p>	Báo cáo chưa đầy đủ theo các nội dung của mẫu Đề cương	
8	Ngân hàng Nhà nước tỉnh	<p><b>Quản lý nhà nước đối với các sản phẩm hàng hóa trong sản xuất</b></p> <p>Tiền tệ, hoạt động ngân hàng, các thiết bị chuyên dùng cho ngân hàng.</p>	Báo cáo chưa đầy đủ theo các nội dung của mẫu Đề cương	
9	Sở Y tế	<p><b>1. Quản lý nhà nước đối với các sản phẩm hàng hóa trong sản xuất</b></p> <p>a) An toàn thực phẩm đối với thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, thực phẩm bổ sung, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, phụ gia thực phẩm, nước uống đóng chai, đá thực phẩm (nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm), nước sinh hoạt, nước khoáng thiên nhiên và dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng các thực phẩm này (trừ dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng thực phẩm thuộc quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương); thuốc lá điếu; hóa chất, chế phẩm xử lý môi trường, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế;</p> <p>b) Máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Y tế theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;</p> <p>c) Thuốc, nguyên liệu làm thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, mỹ phẩm;</p>	Đã thực hiện báo cáo theo mẫu Đề cương.	

		<p>d) Trang thiết bị, công trình y tế.</p> <p><b>2. Quản lý nhà nước đối với các sản phẩm hàng hóa trong xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường</b></p> <p>Dược phẩm, vắc xin, sản phẩm y tế, mỹ phẩm, nguyên liệu sản xuất thuốc cho người, hóa chất gia dụng, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn, trang thiết bị y tế</p>		
10	Giao Thông Vận tải	<p><b>1. Quản lý nhà nước đối với các sản phẩm hàng hóa trong sản xuất</b></p> <p>a) Các loại phương tiện giao thông, phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng trong giao thông vận tải (trừ phương tiện phục vụ vào mục đích quốc phòng, an ninh và tàu cá) và trang bị, thiết bị kỹ thuật chuyên ngành giao thông vận tải; phối hợp với các đơn vị liên quan quản lý phương tiện thiết bị thăm dò, khai thác trên biển;</p> <p>b) Máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Giao thông vận tải theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;</p> <p>c) Kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt đô thị, đường thủy nội địa;</p> <p>d) Dịch vụ trong lĩnh vực giao thông, vận tải.</p> <p><b>2. Quản lý nhà nước đối với các sản phẩm hàng hóa trong xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường</b></p> <p>Phương tiện giao thông vận tải, phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công vận tải chuyên dùng, phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác trên biển, công trình hạ tầng giao thông</p>	Báo cáo chưa đầy đủ theo các nội dung của mẫu Đề cương	

11	Sở Tài chính	<p><b>Quản lý nhà nước đối với các sản phẩm hàng hóa trong sản xuất</b></p> <p>Các sản phẩm liên quan đến dự trữ quốc gia, kinh doanh xổ số, hoạt động chứng khoán; dịch vụ bảo hiểm, kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế, thẩm định giá, hải quan.</p>	<p>Trong năm 2023, Sở Tài chính không thực hiện nội dung nào theo đề cương Báo cáo kết quả công tác quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa</p>	
12	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	<p><b>1. Quản lý nhà nước đối với các sản phẩm hàng hóa trong sản xuất</b></p> <p>a) Máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;</p> <p>b) Các sản phẩm đặc thù về an toàn lao động theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Các công trình vui chơi công cộng;</p> <p>d) Dịch vụ trong lĩnh vực lao động, thương binh, xã hội.</p> <p><b>2. Quản lý nhà nước đối với các sản phẩm hàng hóa trong xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường</b></p> <p>Các hàng hóa là máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội theo quy định của pháp luật; đồ dùng, thiết bị kỹ thuật trong các cơ sở dạy nghề; phương tiện bảo vệ cá nhân đối với người lao động; Các sản phẩm đặc thù về an toàn lao động theo quy định của pháp luật</p>	<p>Báo cáo chưa đầy đủ theo các nội dung của mẫu Đề cương</p>	
13	Công an tỉnh	<p><b>1. Quản lý nhà nước đối với các sản phẩm hàng hóa trong sản xuất</b></p> <p>a) Trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, trang thiết bị kỹ thuật, vũ khí đạn dược, khí</p>	<p>Đã thực hiện báo cáo theo mẫu Đề cương</p>	

		<p>tài vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, trừ trường hợp quy định tại Khoản 13 Điều này và các loại sản phẩm khác sử dụng cho lực lượng công an nhân dân không thuộc đối tượng bí mật quốc gia;</p> <p>b) Dịch vụ trong lĩnh vực an ninh.</p> <p><b>2. Quản lý nhà nước đối với các sản phẩm hàng hóa trong xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường</b></p> <p>trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy; trang thiết bị kỹ thuật, vũ khí đạn dược, khí tài, công cụ hỗ trợ</p>		
14	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	<p><b>1. Quản lý nhà nước đối với các sản phẩm hàng hóa trong sản xuất</b></p> <p>a) Phương tiện, trang thiết bị quân sự, vũ khí đạn dược, khí tài, sản phẩm phục vụ quốc phòng, công trình quốc phòng không thuộc đối tượng bí mật quốc gia;</p> <p>b) Các sản phẩm đặc thù về an toàn, an ninh trong lĩnh vực quân sự quốc phòng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Chỉ huy Quân sự theo quy định của pháp luật.</p> <p><b>2. Quản lý nhà nước đối với các sản phẩm hàng hóa trong xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường</b></p> <p>phương tiện, trang thiết bị quân sự, vũ khí đạn dược, khí tài, sản phẩm phục vụ quốc phòng, công trình quốc phòng</p>		Không gửi Báo cáo